

**SÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 – 9 – 2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Thạch Thị U;** Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 78 ấp N 1, xã L, huyện L, tỉnh S (Bà U vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn: Ông Kim H;** Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 326 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Thạch Thị U trình bày:

Bà với ông Kim H tổ chức lễ cưới vào năm 2019 và cũng trong năm 2019, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 06 tháng 12 năm 2019.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng sống ở bên cha mẹ bà Vân ở số 78 ấp N 1, xã L, huyện L, tỉnh S. Sau đó, ông bà chuyển về nhà cha mẹ ruột ông Kim H ở số 326 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S sinh sống. Quá trình chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm sống, do ông Kim H không lo lắng cho vợ con. Đến tháng 12 năm 2020, bà U đã mang con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ khi không còn sống chung với nhau, ông Kim H cũng không hề gặp bà U để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà U với ông H có một con chung là Kim Thị Ngọc U, sinh ngày 12/10/2020, đang sống với bà U.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Thạch Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Kim H.
- Về con chung: Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Kim Thị Ngọc U và không yêu cầu ông Kim H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Kim H không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 23/TB-TLVA ngày 28 tháng 01 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Kim H nhưng ông Kim H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị U. Tòa án đã tiến hành triệu tập tập hợp lệ hai lần đối với ông Kim H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Kim H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị U ly hôn với ông Kim H. Về con chung: Giao cháu Kim Thị Ngọc U cho bà Thạch Thị U trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Thạch Thị U và ông Kim H đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà U có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông H mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà U và ông H.

[2] Về nội dung: Bà Thạch Thị U và ông Kim H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 06 tháng 12 năm 2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông H là hợp pháp. Nguyên đơn bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông H, yêu cầu được nuôi cháu Kim Thị Ngọc U, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét lý do xin ly hôn của bà U, Hội đồng xét xử xét thấy, bà U và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, do ông Kim H không lo lắng cho vợ con. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà Thạch Thị U yêu cầu được ly hôn với ông Kim H là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Kim Thị Ngọc U, sinh ngày 12/10/2020 hiện nay đang do bà U nuôi dưỡng. Bà U yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của bà U, bà trình bày là bà có được một khoản tiền tiết kiệm và bà có được sự hỗ trợ từ gia đình nên bà hoàn toàn có đủ khả năng để nuôi con. Xét thấy, từ khi bà U và ông H không còn chung sống với nhau thì cháu U do bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện tại cháu U chưa đủ 36 tháng tuổi và xét điều kiện hiện tại của bà U thì bà hoàn toàn có khả năng để nuôi con. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Kim Thị Ngọc U cho bà U nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà U không yêu cầu nên ông H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà U trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà U trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà U yêu cầu nên bà U phải chịu theo luật định.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị U.
- Về hôn nhân: Bà Thạch Thị U được quyền ly hôn với ông Kim H.
- Về con chung: Giao cháu Kim Thị Ngọc U, sinh ngày 12/10/2020 cho bà Thạch Thị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Kim H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Thạch Thị U có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Kim H. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thạch Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001974 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Thạch Thị U đã nộp xong án phí.
- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã L, huyện L, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân